

Số: 1308 /QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành các Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 372/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trường các Khoa chuyên môn và Trường phòng Phòng Đào tạo sau đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này 07 (bảy) Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Luật Hà Nội.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng đối với các khóa nghiên cứu sinh tuyển sinh từ năm 2026.

**Điều 3.** Trường phòng Phòng Đào tạo sau đại học, Trường các Khoa chuyên môn, Trường các đơn vị có liên quan thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội và các nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để th/h);
- Bộ GD&ĐT, Bộ Tư pháp (để b/c);
- Đảng ủy (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo th/h);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

TU  
**HIỆU TRƯỞNG**  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
LUẬT  
HÀ NỘI

Tổ Văn Hòa



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ  
NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1308 /QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2026 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)*

## 1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Luật Hà Nội
- Tên gọi của văn bằng:
  - + Tiếng Việt: **BẰNG TIẾN SĨ  
NGÀNH LUẬT KINH TẾ**
  - + Tiếng Anh: **THE DEGREE OF DOCTOR  
OF BUSINESS LAW**
- Tên Chương trình đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật kinh tế
  - + Tiếng Anh: Doctoral Program in Business Law
- Mã ngành đào tạo của CTĐT: 9380107
- Thời gian đào tạo:
  - + 03 năm đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ thạc sĩ;
  - + 04 năm đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ.
- Phương thức đào tạo: Tín chỉ
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh CTĐT: Tháng 6/2026

## 2. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

### 2.1. Sứ mạng của Trường Đại học Luật Hà Nội

Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

### 2.2. Tầm nhìn đến năm 2030 của Trường Đại học Luật Hà Nội

Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên

cứ; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.

### **2.3. Giá trị cốt lõi: Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập**

**2.4. Triết lý giáo dục:** Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

## **3. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **3.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật kinh tế hướng tới việc đào tạo những nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành có phẩm chất chính trị, đạo đức và trách nhiệm xã hội, có năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy sáng tạo và dẫn dắt học thuật; trang bị một nền tảng tri thức chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật kinh tế, từ đó có thể phát hiện, giải quyết các vấn đề thực tiễn và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, góp phần kiến tạo tri thức mới, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách, pháp luật nhằm hiện thực hóa sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Luật Hà Nội trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

### **3.2. Mục tiêu cụ thể**

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật kinh tế hướng tới những mục tiêu cụ thể sau:

- PO1: Trang bị cho nghiên cứu sinh hệ thống kiến thức lý luận, kiến thức thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật kinh tế, kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh, tạo cơ sở cho việc phát triển tư duy khoa học độc lập và phê phán.

- PO2: Phát triển cho nghiên cứu sinh năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, thông qua việc làm chủ phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số, bao gồm khả năng khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có trách nhiệm và đạo đức.

- PO3: Phát triển năng lực tư duy, phản biện, logic, sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, được thể hiện thông qua việc thực hiện một công trình luận án có đóng góp mới và đáng kể cho khoa học luật kinh tế, với kết quả đáp ứng các tiêu chuẩn công bố khoa học.

- PO4: Hình thành ở nghiên cứu sinh phẩm chất, bản lĩnh và trách nhiệm xã hội của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn, đề cao liêm chính học thuật, có khả năng đảm nhiệm tốt các vị trí việc làm trong các môi trường đòi hỏi trình độ chuyên môn cao về pháp luật kinh tế, sẵn sàng đóng góp trí tuệ vào sự phát triển của nền khoa học pháp lý và phụng sự Tổ quốc.

### 3.3. Ma trận tương thích của Mục tiêu đào tạo với Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường

Mục tiêu chương trình đào tạo	Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi	Triết lý giáo dục
<b>Các mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo</b>	Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyên giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.	Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.
<b>Mục tiêu PO1:</b> Trang bị cho nghiên cứu sinh hệ thống kiến thức lý luận, kiến thức thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật kinh tế, kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh, tạo cơ sở cho việc phát triển tư duy khoa học độc lập và phê phán	Nghiên cứu sinh được trang bị hệ thống kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật kinh tế chính là <b>nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao</b> . Đây là nền tảng để hình thành đội ngũ có <b>năng lực nghiên cứu, chuyên giao các sản phẩm khoa học pháp lý</b> có chất lượng cao,	Nghiên cứu sinh được trang bị kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật kinh tế có khả năng tham gia nghiên cứu pháp luật kinh tế ở trình độ cao, qua đó hiện thực hóa tầm nhìn phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội thành <b>cơ sở giáo dục đại học</b>	Đào tạo nghiên cứu sinh có kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu về pháp luật kinh tế và kiến thức liên ngành góp phần tạo nên <b>chất lượng đào tạo, thương hiệu</b> của Trường	Nghiên cứu sinh được trang bị hệ thống kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến là những con người <b>ham học hỏi, biết làm việc</b> có tư duy khoa học độc lập và phê phán để <b>sẵn sàng bảo vệ công</b>

	đồng thời góp phần <b>truyền bá tư tưởng pháp lý</b> phục vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	<b>định hướng nghiên cứu, Trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu, truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, nâng cao vị thế học thuật</b> của Trường trong khu vực và trên thế giới	trong lĩnh vực pháp luật và đáp ứng yêu cầu <b>hội nhập</b>	<b>lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc</b>
<b>Mục tiêu PO2:</b> Phát triển cho nghiên cứu sinh năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, thông qua việc làm chủ phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số, bao gồm khả năng khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có trách nhiệm và đạo đức.	Nghiên cứu sinh với nghiên cứu khoa học độc lập, thông qua việc làm chủ phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số là <b>nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao để nghiên cứu, truyền bá và phát triển</b> khoa học luật kinh tế chất lượng cao và <b>hội nhập quốc tế.</b>	Nghiên cứu sinh biết tìm kiếm, khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có trách nhiệm để <b>nghiên cứu, tiếp thu thành tựu</b> khoa học luật kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển Trường theo <b>định hướng nghiên cứu, trở thành cơ sở đào tạo luật hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.</b>	Nghiên cứu sinh có kiến thức pháp luật kinh tế, kỹ năng khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có trách nhiệm và đạo đức, đáp ứng <b>giá trị cốt lõi</b> về con người có <b>chất lượng cao, thương hiệu và hội nhập.</b>	Nghiên cứu sinh với năng lực nghiên cứu khoa học độc lập là những con người <b>ham học hỏi, biết làm việc, có năng lực và các kỹ năng</b> của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số để sẵn sàng <b>bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc</b>
<b>Mục tiêu PO3:</b>	Nghiên cứu sinh với năng lực tư duy	Nghiên cứu sinh với năng lực tư	Nghiên cứu sinh với khả	Nghiên cứu sinh với

<p>Phát triển năng lực tư duy phản biện, logic, sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, được thể hiện thông qua việc thực hiện một công trình luận án có đóng góp mới và đáng kể cho khoa học luật kinh tế, với kết quả đáp ứng các tiêu chuẩn công bố khoa học.</p>	<p>phản biện, logic, sáng tạo; năng lực nghiên cứu chuyên sâu về pháp luật kinh tế, kiến tạo tri thức mới, ứng dụng giải quyết các vấn đề pháp lý kinh tế phát sinh trong thực tiễn, trực tiếp góp phần phát triển <b>nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao</b>, phục vụ xây dựng <b>Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế</b>.</p>	<p>duy sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới có khả năng tham gia nghiên cứu pháp luật kinh tế ở trình độ cao, qua đó hiện thực hóa tầm nhìn phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội thành <b>cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, Trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu, truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, nâng cao vị thế học thuật</b> của Trường trong khu vực và trên thế giới</p>	<p>năng kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh thuộc các lĩnh vực Luật kinh tế, góp phần phát triển nguồn nhân lực pháp luật <b>chất lượng cao</b>, tạo dựng <b>thương hiệu</b> trong quá trình <b>hội nhập</b></p>	<p>năng lực tư duy phản biện, logic, sáng tạo; năng lực nghiên cứu chuyên sâu là những <b>con người ham học hỏi, biết làm việc</b>, có khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, <b>sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc</b>.</p>
<p><b>Mục tiêu PO4:</b> Hình thành ở nghiên cứu sinh phẩm chất, bản lĩnh và trách nhiệm xã hội của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn, đề cao liêm chính học thuật,</p>	<p>Phẩm chất đạo đức, bản lĩnh, trách nhiệm xã hội của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn, đáp ứng sứ mạng đào tạo <b>nguồn nhân lực chất lượng cao</b>, phục vụ cho quá</p>	<p>Phẩm chất của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn có khả năng <b>nghiên cứu</b>, tiếp thu thành tựu khoa học luật kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát</p>	<p>Phẩm chất đạo đức, bản lĩnh, trách nhiệm xã hội và năng lực của một chuyên gia đầu ngành, đáp ứng <b>giá trị cốt lõi</b> về <b>con người</b>,</p>	<p>Phẩm chất đạo đức, bản lĩnh, trách nhiệm xã hội và năng lực của một chuyên gia đầu ngành tạo nên những con người sẵn</p>

có khả năng đảm nhiệm tốt các vị trí việc làm trong các môi trường đòi hỏi trình độ chuyên môn cao về pháp luật kinh tế, sẵn sàng đóng góp trí tuệ vào sự phát triển của nền khoa học pháp lý và phụng sự Tổ quốc.	trình <b>phát triển</b> và <b>hội nhập kinh tế</b> của đất nước.	triển Trường theo <b>định hướng nghiên cứu</b> , trở thành cơ sở đào tạo luật <b>hàng đầu của Việt Nam</b> , có vị thế trong <b>khu vực Đông Nam Á và trên thế giới</b> .	<b>chất lượng, thương hiệu và hội nhập.</b>	sàng <b>bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</b>
--	--	---	---	---

### 3.4. Ma trận tương thích của Mục tiêu đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
<b>Các mục tiêu cụ thể của CTĐT</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực khoa học;</li> <li>- Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo.</li> <li>- Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới.</li> <li>- Kiến thức về quản trị tổ chức.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển.</li> <li>- Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn.</li> <li>- Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.</li> <li>- Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển.</li> <li>- Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới.</li> <li>- Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.</li> <li>- Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.</li> <li>- Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia.</li> <li>- Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng</li> </ul>

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
		biến các kết quả nghiên cứu.	tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.
<p><b>Mục tiêu PO1:</b> Trang bị cho nghiên cứu sinh hệ thống kiến thức lý luận, kiến thức thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật kinh tế, kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh, tạo cơ sở cho việc phát triển tư duy khoa học độc lập và phê phán.</p>	<p>- Kiến thức lý luận, thực tiễn tiên tiến chuyên sâu về pháp luật kinh tế mà nghiên cứu sinh được trang bị đáp ứng yêu cầu kiến thức <b>tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực khoa học</b>, đồng thời bảo đảm <b>kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo.</b></p> <p>- Kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh mà nghiên cứu sinh được trang bị tạo cơ sở để nghiên cứu sinh tổ chức nghiên cứu khoa học, tiếp cận các vấn đề pháp lý kinh tế trong mối liên hệ với chính trị, kinh tế, xã hội, quan hệ quốc tế và quản trị toàn cầu. Do đó, phù hợp với yêu cầu về <b>kiến thức tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển tri</b></p>	<p>- Kiến thức về phương pháp luật học so sánh với nền tảng liên ngành giúp nghiên cứu sinh <b>làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển</b>, góp phần hỗ trợ cho nghiên cứu sinh trong <b>suy luận, phân tích các vấn đề khoa học</b> trong lĩnh vực pháp luật kinh tế và <b>đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo</b></p> <p>- Kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật kinh tế, kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành giúp nghiên cứu sinh có <b>kỹ năng tổng hợp, chủ động làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn</b> trong lĩnh vực pháp luật kinh tế cũng như <b>kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn</b></p>	<p>- Kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật kinh tế kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh, mà nghiên cứu sinh được trang bị đáp ứng yêu cầu có khả năng <b>nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, thích ứng</b> trong công việc, <b>tự định hướng và dẫn dắt người khác</b> trong lĩnh vực pháp luật kinh tế</p> <p>- Kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật kinh tế mà nghiên cứu sinh được trang bị đáp ứng yêu cầu có khả năng <b>đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới</b> trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau; đồng thời có khả năng <b>phán quyết, ra quyết</b></p>

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
	<p><b>thức mới và kiến thức về quản trị tổ chức</b> trong bối cảnh pháp luật kinh tế hiện đại.</p>	<p>- Kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật kinh tế tạo nền tảng để nghiên cứu sinh <b>tham gia các thảo luận khoa học trong nước và quốc tế, trình bày, trao đổi và phổ biến kết quả nghiên cứu</b> trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.</p>	<p><b>định mang tính chuyên gia.</b></p> <p>- Kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh mà nghiên cứu sinh được trang bị đáp ứng yêu cầu có khả năng <b>quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập</b> để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.</p>
<p><b>Mục tiêu PO2:</b> Phát triển cho nghiên cứu sinh năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, thông qua việc làm chủ phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số, bao gồm khả năng khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách</p>	<p>- Năng lực nghiên cứu khoa học độc lập giúp nghiên cứu sinh nắm được các <b>kiến thức cốt lõi, nền tảng, kiến thức tiên tiến và chuyên sâu</b> trong lĩnh vực pháp luật kinh tế</p> <p>- Phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số giúp nghiên cứu sinh có khả năng <b>tổ chức nghiên cứu khoa học và phát</b></p>	<p>- Các kỹ năng được trang bị cho nghiên cứu sinh để có thể nghiên cứu khoa học độc lập đáp ứng yêu cầu có kỹ năng <b>làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ</b> phục vụ nghiên cứu và phát triển; kỹ năng <b>tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn; kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý</b> một cách sáng</p>	<p>- Nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu khoa học độc lập đáp ứng yêu cầu <b>nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.</b></p> <p>- Nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu độc lập, làm chủ phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số đáp ứng yêu cầu <b>phán quyết, ra</b></p>

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
có trách nhiệm và đạo đức.	<p><b>triển</b> các lý thuyết, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực pháp luật kinh tế</p> <p>- Kỹ năng của nhà khoa học trong kỷ nguyên số, bao gồm khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng AI có trách nhiệm, phù hợp với yêu cầu về kiến thức <b>tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới và quản trị tổ chức</b> hoạt động nghiên cứu trong môi trường học thuật hiện đại</p>	<p>tạo, độc đáo trong lĩnh vực pháp luật kinh tế</p> <p>- Các kỹ năng được trang bị cho nghiên cứu sinh để có thể nghiên cứu khoa học độc lập đáp ứng yêu cầu có kỹ năng <b>quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển</b> trong lĩnh vực pháp luật kinh tế. Bên cạnh đó, việc ứng dụng AI có trách nhiệm và đạo đức còn góp phần bảo đảm năng lực <b>quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu</b> trong bối cảnh chuyển đổi số.</p>	<p><b>quyết định mang tính chuyên gia, phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới</b> trong lĩnh vực pháp luật kinh tế</p> <p>- Việc đề cao trách nhiệm và đạo đức trong nghiên cứu cũng bảo đảm nghiên cứu sinh có <b>trách nhiệm cao trong phát triển tri thức chuyên nghiệp</b>, sử dụng công nghệ mới một cách phù hợp và đóng góp vào môi trường học thuật liên chính.</p>
<b>Mục tiêu PO3:</b> Phát triển năng lực tư duy, phản biện, logic sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, được thể hiện	<p>- Năng lực tư duy sáng tạo, khả năng kiến tạo tri thức mới, khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia giúp nghiên cứu sinh nắm được <b>kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu</b></p>	<p>- Các kỹ năng được trang bị cho nghiên cứu sinh để có thể kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia đáp ứng yêu cầu có kỹ năng <b>tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn, kỹ năng</b></p>	<p>- Nghiên cứu sinh có năng lực tư duy sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới đáp ứng yêu cầu <b>nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, đưa ra ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau, phát triển tri thức chuyên nghiệp,</b></p>

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
thông qua việc thực hiện một công trình luận án có đóng góp mới và đáng kể cho khoa học luật kinh tế, với kết quả đáp ứng các tiêu chuẩn công bố khoa học.	trong lĩnh vực pháp luật kinh tế - Việc thực hiện một công trình luận án có đóng góp mới và đáng kể cho khoa học luật kinh tế, với kết quả đáp ứng các tiêu chuẩn công bố khoa học đòi hỏi nghiên cứu sinh phải có <b>kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học, kiến thức cốt lõi, nền tảng và chuyên sâu</b> trong lĩnh vực pháp luật kinh tế	<b>suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo</b>  - Các kỹ năng được trang bị cho nghiên cứu sinh để có thể thực hiện một công trình luận án có đóng góp mới và đáng kể cho khoa học luật kinh tế, với kết quả đáp ứng các tiêu chuẩn công bố khoa học đáp ứng yêu cầu có kỹ năng <b>suy luận, phân tích các vấn đề khoa học, làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển</b>	<b>kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới</b>  - Nghiên cứu sinh có năng lực và tư duy giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia đáp ứng yêu cầu <b>đưa ra các ý tưởng, phán quyết, quyết định mang tính chuyên gia, thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác</b>  - Nghiên cứu sinh có năng lực tư duy sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, đáp ứng yêu cầu thích ứng, <b>tự định hướng và dẫn dắt những người khác.</b>
<b>Mục tiêu PO4:</b> Hình thành ở nghiên cứu sinh phẩm chất, bản lĩnh và trách	Việc hình thành ở nghiên cứu sinh năng lực chuyên môn có tầm ảnh hưởng, khả năng đảm nhiệm tốt	Việc hình thành ở nghiên cứu sinh năng lực chuyên môn có tầm ảnh hưởng, có khả năng đảm nhiệm tốt	Việc hình thành ở nghiên cứu sinh phẩm chất, bản lĩnh, trách nhiệm xã hội của một chuyên gia

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
<p>nhệm xã hội của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn, đề cao liêm chính học thuật, có khả năng đảm nhiệm tốt các vị trí việc làm trong các môi trường đòi hỏi trình độ chuyên môn cao về pháp luật kinh tế, sẵn sàng đóng góp trí tuệ vào sự phát triển của nền khoa học pháp lý và phụng sự Tổ quốc.</p>	<p>các vị trí việc làm trong các môi trường đòi hỏi trình độ chuyên môn cao về pháp luật kinh tế đòi hỏi nghiên cứu sinh có <b>kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu</b> trong lĩnh vực pháp luật kinh tế</p> <p>- Nội dung về trách nhiệm xã hội, liêm chính học thuật, đóng góp cho khoa học pháp lý và phụng sự Tổ quốc cũng phù hợp với yêu cầu về <b>kiến thức quản trị tổ chức, quản trị hoạt động chuyên môn</b> và nhận thức về vai trò xã hội của chuyên gia trong môi trường học thuật, nghề nghiệp và quản lý.</p>	<p>các vị trí việc làm trong các môi trường yêu cầu trình độ chuyên môn cao đòi hỏi nghiên cứu sinh có <b>kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển, kỹ năng làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn, kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn, suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.</b></p> <p>- Vai trò chuyên gia đầu ngành đòi hỏi nghiên cứu sinh có <b>kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển, kỹ năng tham gia thảo luận trong nước, quốc tế và phổ biến kết quả nghiên cứu</b> trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.</p>	<p>đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn, đề cao liêm chính học thuật. Đây là những biểu hiện rõ của khả năng <b>tự định hướng, dẫn dắt người khác, phán quyết và ra quyết định mang tính chuyên gia</b></p> <p>- Việc sẵn sàng đóng góp trí tuệ vào sự phát triển của nền khoa học pháp lý và phụng sự Tổ quốc cũng thể hiện <b>trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu, phát triển tri thức chuyên nghiệp, sáng tạo ý tưởng mới</b> và tham gia giải quyết các vấn đề phức tạp của thực tiễn pháp luật kinh tế.</p>

#### 4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 4.1. Nội dung chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Kinh tế, nghiên cứu sinh có các kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm sau đây:

**\* Về Kiến thức (Knowledge)**

- **PLO1: Phân tích và luận giải chuyên sâu, toàn diện các kiến thức cốt lõi, nền tảng** của khoa học luật kinh tế, bao gồm các học thuyết, nguyên tắc và hệ thống quy phạm của pháp luật kinh tế; **hiểu rõ** cấu trúc và sự vận hành của các thiết chế pháp lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

- **PLO2: Đánh giá và vận dụng kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu** của lĩnh vực Luật kinh tế để phân tích, lý giải các vấn đề pháp lý phức tạp; **hiểu rõ** bản chất, xu hướng phát triển của các quan hệ pháp luật kinh tế, đặc biệt trong điều kiện Việt Nam hội nhập quốc tế.

- **PLO3: Vận dụng** kiến thức về **tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sáng tạo tri thức mới** trong lĩnh vực Luật kinh tế; đề xuất các luận cứ khoa học, các giải pháp pháp lý và kiến nghị hoàn thiện pháp luật, chính sách và mô hình **quản trị tổ chức** phù hợp trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập kinh tế quốc tế.

**\* Về Kỹ năng (Skills)**

- **PLO4: Thiết kế, triển khai** và hoàn thành một dự án nghiên cứu khoa học độc lập ở trình độ tiến sĩ (luận án tiến sĩ), trong đó **làm chủ** các lý thuyết khoa học, phương pháp và công cụ nghiên cứu phù hợp; **tạo ra** kết quả nghiên cứu có **tính mới**, có đóng góp đáng kể cho tri thức khoa học hoặc giải quyết được vấn đề lý luận, thực tiễn quan trọng về pháp luật kinh tế.

- **PLO5: Vận dụng thành thạo** các kỹ năng tổng hợp, tư duy phản biện, tư duy logic, suy luận, lập luận và phân tích pháp lý để phát hiện, đánh giá và xử lý các vấn đề khoa học phức tạp trong lĩnh vực Luật Kinh tế; **tạo ra** được các công trình khoa học (báo cáo hội nghị, bài báo, chương sách chuyên khảo) có giá trị học thuật, đáp ứng tiêu chuẩn công bố trên các tạp chí chuyên ngành, hoặc bởi các nhà xuất bản uy tín.

- **PLO6: Vận dụng** các kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển; trình bày, thảo luận và bảo vệ một cách thuyết phục các luận điểm, phương pháp và kết quả nghiên cứu trước cộng đồng học thuật trong nước và quốc tế; phổ biến các kết quả nghiên cứu; sử dụng ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- **PLO7: Ứng dụng thành thạo** các công cụ kỹ thuật số tiên tiến để khai thác cơ sở dữ liệu pháp lý trong nước và quốc tế, quản lý dữ liệu nghiên cứu, trích dẫn học liệu và hỗ trợ phân tích pháp lý; sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có đạo đức, trách nhiệm, phù hợp với yêu cầu liêm chính học thuật nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu

**\* Về mức độ tự chủ và trách nhiệm (Autonomy and Responsibility)**

- **PLO8: Thể hiện** năng lực tự chủ học thuật trong việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, **sáng tạo tri thức mới** và đưa ra các kết luận, khuyến nghị khoa học mang tính chuyên gia phục vụ hoạch định, thực thi chính sách, hoàn thiện pháp luật, hoàn thiện thể chế và bảo vệ công lý..

- **PLO9: Tuân thủ và bảo vệ** các chuẩn mực về liêm chính học thuật, đạo đức nghiên cứu và trách nhiệm khoa học, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, minh bạch và đóng góp khoa học của công trình nghiên cứu trong lĩnh vực Luật Kinh tế.

- **PLO10: Chủ động** tự định hướng, **thích ứng** và **phát triển** năng lực nghiên cứu trong môi trường học thuật có sự thay đổi; tổ chức, **quản lý và dẫn dắt** được hoạt động nghiên cứu hoặc nhóm nghiên cứu trong lĩnh vực Luật Kinh tế với tinh thần trách nhiệm cao và thái độ học thuật chuyên nghiệp.

- **PLO11: Vận dụng** tri thức chuyên môn và năng lực nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến Luật Kinh tế, góp phần thúc đẩy các giá trị của nhà nước pháp quyền, bảo vệ công lý và phụng sự Tổ quốc.

#### 4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu của các chuẩn đầu ra

CHUẨN ĐẦU RA	Mục tiêu PO1	Mục tiêu PO2	Mục tiêu PO3	Mục tiêu PO4
<b>* Kiến thức:</b>				
<b>PLO1:</b> Phân tích và luận giải chuyên sâu, toàn diện các kiến thức cốt lõi, nền tảng của khoa học luật kinh tế, bao gồm các học thuyết, nguyên tắc và hệ thống quy phạm của pháp luật kinh tế; hiểu rõ cấu trúc và sự vận hành của các thiết chế pháp lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.	X			
<b>PLO2:</b> Đánh giá và vận dụng kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của lĩnh vực Luật kinh tế để phân tích, lý giải các vấn đề pháp lý phức tạp; hiểu rõ bản chất, xu hướng phát triển của các quan hệ pháp luật kinh tế, đặc biệt trong điều kiện Việt Nam hội nhập quốc tế.	X		X	
<b>PLO3:</b> Vận dụng kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực Luật kinh tế; đề xuất các luận cứ khoa học,	X	X	X	

các giải pháp pháp lý và kiến nghị hoàn thiện pháp luật, chính sách và mô hình quản trị tổ chức phù hợp trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập kinh tế quốc tế.				
<b>* Kỹ năng:</b>				
<b>PLO4:</b> Thiết kế, triển khai và hoàn thành một dự án nghiên cứu khoa học độc lập ở trình độ tiến sĩ (luận án tiến sĩ), trong đó làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp và công cụ nghiên cứu phù hợp; tạo ra kết quả nghiên cứu có tính mới, có đóng góp đáng kể cho tri thức khoa học hoặc giải quyết được vấn đề lý luận, thực tiễn quan trọng về pháp luật kinh tế.		X	X	
<b>PLO5:</b> Vận dụng thành thạo các kỹ năng tổng hợp, tư duy phản biện, tư duy logic, suy luận, lập luận và phân tích pháp lý để phát hiện, đánh giá và xử lý các vấn đề khoa học phức tạp trong lĩnh vực Luật Kinh tế; tạo ra được các công trình khoa học (báo cáo hội nghị, bài báo, chương sách chuyên khảo) có giá trị học thuật, đáp ứng tiêu chuẩn công bố trên các tạp chí chuyên ngành, hoặc bởi các nhà xuất bản uy tín.	X	X	X	
<b>PLO6:</b> Vận dụng các kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển; trình bày, thảo luận và bảo vệ một cách thuyết phục các luận điểm, phương pháp và kết quả nghiên cứu trước cộng đồng học thuật trong nước và quốc tế; phổ biến các kết quả nghiên cứu; sử dụng ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.		X	X	X
<b>PLO7:</b> Ứng dụng thành thạo các công cụ kỹ thuật số tiên tiến để khai thác cơ sở dữ liệu pháp lý trong nước và quốc tế, quản lý dữ liệu nghiên cứu, trích dẫn học liệu và hỗ		X		X

trợ phân tích pháp lý; sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có đạo đức, trách nhiệm, phù hợp với yêu cầu liên chính học thuật nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu				
<b>* Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>				
<b>PLO8:</b> Thể hiện năng lực tự chủ học thuật trong việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới và đưa ra các kết luận, khuyến nghị khoa học mang tính chuyên gia phục vụ hoạch định, thực thi chính sách, hoàn thiện pháp luật, hoàn thiện thể chế và bảo vệ công lý...			X	X
<b>PLO9:</b> Tuân thủ và bảo vệ các chuẩn mực về liên chính học thuật, đạo đức nghiên cứu và trách nhiệm khoa học, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, minh bạch và đóng góp khoa học của công trình nghiên cứu trong lĩnh vực Luật Kinh tế.		X		X
<b>PLO10:</b> Chủ động tự định hướng, thích ứng và phát triển năng lực nghiên cứu trong môi trường học thuật có sự thay đổi; tổ chức, quản lý và dẫn dắt được hoạt động nghiên cứu hoặc nhóm nghiên cứu trong lĩnh vực Luật Kinh tế với tinh thần trách nhiệm cao và thái độ học thuật chuyên nghiệp.		X	X	X
<b>PLO11:</b> Vận dụng tri thức chuyên môn và năng lực nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến Luật Kinh tế, góp phần thúc đẩy các giá trị của nhà nước pháp quyền, bảo vệ công lý và phụng sự Tổ quốc.	X		X	X

### 4.3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Kinh tế có năng lực nghề nghiệp để đảm nhiệm các công việc, nhưng không giới hạn, ở các vị trí:

- Chuyên gia nghiên cứu pháp luật kinh tế tại các cơ sở nghiên cứu và các cơ quan, tổ chức khác;

- Giảng viên/giáo viên giảng dạy các học phần liên quan đến pháp luật tại các cơ sở giáo dục đào tạo;

- Chuyên gia hành nghề trong lĩnh vực pháp luật kinh tế tại các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, công chứng viên, đấu giá viên, chấp hành viên, trọng tài viên, thừa phát lại... hoặc hành nghề luật khác;

- Chuyên gia tham mưu, tư vấn, xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân; Chuyên gia cho các dự án, chương trình, tổ chức quốc tế.

- Thực hành nghề luật tại các văn phòng luật sư, công ty luật; làm chuyên viên pháp lý tại các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, quỹ đầu tư, tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại, cơ quan thuế, hải quan, trọng tài thương mại, các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, công ty chứng khoán...

- Làm việc tại các cơ quan chuyên môn của Quốc hội, Chính phủ; các ban của Đảng; các bộ, ban, ngành; đoàn thể xã hội; tại UBND các cấp, các sở, ban ngành ở địa phương...

#### **4.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Kinh tế có thể tiếp tục theo học các chương trình đào tạo sau tiến sĩ (postdoctoral), tham gia các chương trình nghiên cứu chuyên sâu tại các cơ sở đào tạo và viện nghiên cứu trong nước và quốc tế; đồng thời có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, mở rộng hướng nghiên cứu và phát triển năng lực học thuật ở mức cao hơn.

### **5. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, TÀI LIỆU, CHUẨN MÀ TRƯỜNG THAM KHẢO**

*\* Các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, khung trình độ quốc gia Việt Nam, xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo...*

- Luật Giáo dục đại học năm 2025.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo.

- Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

*\* Tham khảo, đối sánh về cấu trúc chương trình đào tạo và một số học phần phù hợp trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật kinh tế hoặc khối ngành pháp luật của các cơ sở đào tạo luật trong nước:*

- Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội<sup>1</sup>: Tham khảo về cấu trúc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Luật - Đại học Quốc

<sup>1</sup> <https://law.vnu.edu.vn/Fuploads/20160218161830234.pdf>

gia Hà Nội và tham khảo các học phần về pháp luật đầu tư, về pháp luật doanh nghiệp.

- Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh<sup>2</sup>: Tham khảo nội dung chương trình đào tạo tiến sĩ Luật Kinh tế về pháp luật công ty.

- Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh<sup>3</sup>: Tham khảo từ nội dung chương trình đào tạo tiến sĩ Luật Kinh tế các học phần về pháp luật tài chính - ngân hàng; pháp luật về lao động và an sinh xã hội; pháp luật về bảo vệ môi trường trong kinh doanh; pháp luật về kinh doanh bất động sản.

*\* Tham khảo, đối sánh về cấu trúc chương trình đào tạo và một số học phần phù hợp trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Kinh tế hoặc khối ngành pháp luật của các cơ sở đào tạo luật nước ngoài:*

- Đại học Quốc gia Singapore (NUS)<sup>4</sup>: Tham khảo chương trình và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ với học phần về kinh doanh bất động sản

- Đại học tổng hợp Melbourne (Australia)<sup>5</sup>: Tham khảo chương trình và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ với Học phần những vấn đề pháp lý về chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng

- Đại học tổng hợp Nagoya (Nhật Bản)<sup>6</sup>: Tham khảo chương trình và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ với học phần về luật đầu tư nước ngoài

- Đại học Arizona (Hoa Kỳ)<sup>7</sup>: Tham khảo chương trình và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ với học phần về tài chính - ngân hàng

- Đại học Lund (Thụy Điển)<sup>8</sup>: Tham khảo chương trình và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ với học phần về lao động và an sinh xã hội

- Đại học tổng hợp Frankfurt (CHLB Đức)<sup>9</sup>: Tham khảo chương trình và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ với học phần về công ty

- Tham khảo chương trình và học phần về bảo vệ môi trường trong kinh doanh trong chương trình đào tạo tiến sĩ về môi trường, phòng, chống biến đổi khí hậu của Liên minh Châu Âu (EU).

## 6. THÔNG TIN TUYỂN SINH

### 6.1. Điều kiện tuyển sinh

Thí sinh dự thi tuyển sinh vào chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Kinh tế là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài đáp ứng được các điều kiện sau:

<sup>2</sup> <https://psdh.ucl.edu.vn/dao-cao-tien-si/tien-si-2389>

<sup>3</sup> <https://sdh.hcmulaw.edu.vn/vi/chuong-trinh-cao-cao-398>

<sup>4</sup> [https://law1a.nus.edu.sg/student\\_matters/course\\_listing/elective\\_subjects.html](https://law1a.nus.edu.sg/student_matters/course_listing/elective_subjects.html)

<sup>5</sup> <https://study.unimelb.edu.au/find/courses/graduate/juris-doctor/>

<sup>6</sup> <https://gsl.law.nagoya-u.ac.jp/about-us/our-programs.php>

<sup>7</sup> <https://grad.arizona.edu/catalog/>

<sup>8</sup> <https://www.lunduniversity.lu.se/home>

<sup>9</sup> <https://www.goethe-university-frankfurt.de>

1. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành đào tạo thuộc cùng nhóm ngành đào tạo trình độ tiến sĩ;

2. Có trình độ ngoại ngữ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương) trở lên được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc tại hội nghị, hội thảo khoa học có phản biện; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

4. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

## **6.2. Các đợt tuyển sinh:**

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Kế hoạch tuyển sinh của Trường.

**6.3. Chỉ tiêu tuyển sinh:** Được xác định theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai trong Kế hoạch, Thông báo tuyển sinh hằng năm của Trường.

## **6.4. Phương thức tuyển sinh**

Xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp xét tuyển và thi tuyển theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai trong Kế hoạch, Thông báo tuyển sinh hằng năm của Trường.

## **6.5. Thời gian tuyển sinh:**

Tuyển sinh nhiều đợt trong năm theo Thông báo tuyển sinh của Trường Đại học Luật Hà Nội.

# **7. CẤU TRÚC CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

## **7.1. Thông tin chung:**

*Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Kinh tế – Trường Đại học Luật Hà Nội*

- Số tín chỉ:

+ **90 tín chỉ** đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ thạc sĩ;

+ **120 tín chỉ** đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ.

- Thời gian đào tạo:

+ **03 năm** đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ thạc sĩ;

+ **04 năm** đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ.

## 7.2. Cấu trúc Chương trình dạy học:

a) Các học phần bắt buộc và tự chọn ở trình độ tiến sĩ: **16 tín chỉ** (trong đó bao gồm **08 tín chỉ** các học phần bắt buộc; **08 tín chỉ** các học phần tự chọn).

b) Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ: **74 tín chỉ**

\* Nghiên cứu khoa học: **14 tín chỉ**.

- Tiểu luận tổng quan (04 tín chỉ); 02 chuyên đề tiến sĩ (mỗi chuyên đề 03 tín chỉ);

- Các sản phẩm nghiên cứu khoa học trong danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm, được công bố trong nước hoặc quốc tế trước khi nộp luận án để bảo vệ tại đơn vị chuyên môn: 02 tín chỉ

- Các sản phẩm nghiên cứu khoa học được quy đổi từ hoạt động tham gia hội thảo, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề (từ cấp khoa trở lên) và các sản phẩm khác theo quy định của Trường: 02 tín chỉ

\* Luận án tiến sĩ: **60 tín chỉ**

c) Các học phần bổ sung kiến thức (*áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ*): **30 tín chỉ**, trong đó bao gồm một số học phần bắt buộc và/hoặc một số học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu (không bao gồm luận văn thạc sĩ).

## 7.3. Bảng các học phần trong Chương trình dạy học

### 7.3.1. Các học phần bắt buộc và tự chọn ở trình độ tiến sĩ (08 tín chỉ bắt buộc, 08 tín chỉ tự chọn)

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng tín chỉ				
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thảo luận	LVN	TN C
1	HPBB-TS-01	Phương pháp nghiên cứu luật học chuyên sâu	4	48	24	40	88

2	HPBB-TS-02	Học phần chuyên ngành 01: Những vấn đề pháp lý mới và hiện đại của pháp luật kinh tế	4	48	24	40	88
3	HPTC-TS-01	Học phần chuyên ngành 02: Pháp luật thương mại và cạnh tranh trong kỷ nguyên mới	4	48	24	40	88
4	HPTC-TS-02	Học phần chuyên ngành 03: Pháp luật đất đai, kinh doanh bất động sản và môi trường trong kỷ nguyên mới	4	48	24	40	88
5	HPTC-TS-03	Học phần chuyên ngành 04: Pháp luật tài chính và lao động trong kỷ nguyên mới	4	48	24	40	88

### 7.3.2. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

#### 7.3.2.1. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học (14 tín chỉ)

Số TT	Tên sản phẩm khoa học	Mã số	Số tín chỉ
1	Tiểu luận tổng quan	NCKH-01	4
2	Chuyên đề tiến sĩ 01	NCKH-02	3
3	Chuyên đề tiến sĩ 02	NCKH-03	3
4	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HDGSNN tính điểm và đã được công bố)	NCKH-04	1
5	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HDGSNN tính điểm và đã được công bố)	NCKH-05	1
6	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề và các sản phẩm khác) <sup>10</sup>	NCKH-06	2

#### 7.3.2.2. Luận án tiến sĩ (60 tín chỉ)

#### 7.3.3. Các học phần bổ sung kiến thức áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ (30 tín chỉ)

<sup>10</sup> NCS phải tham gia ít nhất 08 hội thảo, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề và viết thu hoạch để xác định điểm tích lũy học phần trong chương trình đào tạo;

Số TT	Mã số học phần bổ sung kiến thức	Tên học phần học bổ sung kiến thức	Khối lượng tín chỉ				
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thảo luận	LVN	TN C
<b>A</b>	<b>Các học phần bắt buộc và tự chọn thuộc khối kiến thức chung ở trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu (06 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn)</b>						
1	HPBS-KTC-BB01	Triết học <sup>11</sup>	4	42	36	42	80
2	HPBS-KTC-BB02	Quản trị, quản lý	2	24	12	24	40
3	HPBS-KTC-TC01	Xã hội học pháp luật	2	24	12	24	40
4	HPBS-KTC-TC02	Kinh tế học pháp luật	2	24	12	24	40
5	HPBS-KTC-TC03	Kỹ năng đàm phán	2	24	12	24	40
<b>B</b>	<b>Các học phần bắt buộc và tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành ở trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu (10 tín chỉ bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành, 04 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, 08 tín chỉ tự chọn thuộc kiến thức ngành)</b>						
1	HPBS-KTCS&N-BB01	Luật thương mại và đầu tư nâng cao	2	24	12	24	40
2	HPBS-KTCS&N-BB02	Luật tài chính, ngân hàng nâng cao	2	24	12	24	40
3	HPBS-KTCS&N-BB03	Luật lao động và an sinh xã hội nâng cao	2	24	12	24	40

<sup>11</sup> Học phần Triết học được giảng dạy theo quy định chung về chương trình môn triết học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ dành cho các Trường không chuyên thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BGDĐT ngày 08/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Số TT	Mã số học phần bổ sung kiến thức	Tên học phần học bổ sung kiến thức	Khối lượng tín chỉ				
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thảo luận	LVN	TN C
4	HPBS-KTCS&N-BB04	Luật đất đai và kinh doanh bất động sản nâng cao	2	24	12	24	40
5	HPBS-KTCS&N-BB05	Luật môi trường nâng cao	2	24	12	24	40
6	HPBS-KTCS-TC01	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật thương mại	2	24	12	24	40
7	HPBS-KTCS-TC02	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật tài chính ngân hàng	2	24	12	24	40
8	HPBS-KTCS-TC03	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật lao động và an sinh xã hội	2	24	12	24	40
9	HPBS-KTCS-TC04	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản	2	24	12	24	40
10	HPBS-KTCS-TC05	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật môi trường	2	24	12	24	40
11	HPBS-KTN-TC01	Luật thương mại chuyên sâu	2	24	12	24	40
12	HPBS-KTN-TC02	Luật đầu tư chuyên sâu	2	24	12	24	40
13	HPBS-KTN-TC03	Luật tài chính chuyên sâu	2	24	12	24	40
14	HPBS-KTN-TC04	Luật ngân hàng chuyên sâu	2	24	12	24	40

Số TT	Mã số học phần bổ sung kiến thức	Tên học phần học bổ sung kiến thức	Khối lượng tín chỉ				
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thảo luận	LVN	TN C
15	HPBS-KTN-TC05	Luật lao động chuyên sâu	2	24	12	24	40
16	HPBS-KTN-TC06	Luật an sinh xã hội chuyên sâu	2	24	12	24	40
17	HPBS-KTN-TC07	Luật đất đai chuyên sâu	2	24	12	24	40
18	HPBS-KTN-TC08	Luật kinh doanh bất động sản chuyên sâu	2	24	12	24	40
19	HPBS-KTN-TC09	Luật môi trường chuyên sâu	2	24	12	24	40

## 8. ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TRÌNH ĐỘ VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận án tiến sĩ đạt yêu cầu;

- Hoàn thành các nghĩa vụ của người học theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

## 9. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO:

**9.1. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ:** Thời gian đào tạo tiêu chuẩn 3 năm

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Số tín chỉ	Kết quả dự kiến
Năm thứ nhất	Học và kiểm tra đánh giá học phần bắt buộc ở trình độ tiến sĩ	8 tín chỉ	Bảng điểm học phần
	Học và kiểm tra đánh giá các học phần tự chọn ở trình độ tiến sĩ	8 tín chỉ	Bảng điểm học phần
	Đánh giá Đề cương luận án tiến sĩ		Đề cương luận án
	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Đánh giá Tiểu luận tổng quan	4 tín chỉ	Tiểu luận tổng quan

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Số tín chỉ	Kết quả dự kiến
	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)	1 tín chỉ	Bài tạp chí, báo cáo khoa học, ... trong danh mục theo quy định
	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia 04 hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề từ cấp khoa trở lên)	1 tín chỉ	Bài thu hoạch, xác nhận của Ban tổ chức
<b>Năm thứ hai</b>	Đánh giá Chuyên đề tiến sĩ thứ nhất	3 tín chỉ	Chuyên đề tiến sĩ thứ nhất
	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Đánh giá Chuyên đề tiến sĩ thứ hai	3 tín chỉ	Chuyên đề tiến sĩ thứ hai
	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)	1 tín chỉ	Bài tạp chí, báo cáo khoa học, ... trong danh mục theo quy định
	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia 04 hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề từ cấp khoa trở lên)	1 tín chỉ	Bài thu hoạch, xác nhận của Ban tổ chức
<b>Năm thứ ba</b>	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Hoàn thành Luận án tiến sĩ và bảo vệ các cấp	60 tín chỉ	Luận án

### 9.2. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: Thời gian đào tạo tiêu chuẩn 4 năm

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Số tín chỉ	Kết quả dự kiến
<b>Năm thứ nhất</b>	Học và kiểm tra đánh giá học phần bắt buộc ở trình độ tiến sĩ	8 tín chỉ	Bảng điểm học phần
	Học và kiểm tra đánh giá học phần tự chọn ở trình độ tiến sĩ	8 tín chỉ	Bảng điểm học phần
	Đánh giá Đề cương luận án tiến sĩ		Đề cương luận án

<b>Năm học</b>	<b>Nội dung học tập, nghiên cứu</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Kết quả dự kiến</b>
	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Đánh giá Tiểu luận tổng quan	4 tín chỉ	Tiểu luận tổng quan
	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia 04 Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề từ cấp khoa trở lên)	1 tín chỉ	Bài thu hoạch, Xác nhận của Ban tổ chức
<b>Năm thứ hai</b>	Các học phần bổ sung kiến thức	30 tín chỉ	Bảng điểm học phần
	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)	1 tín chỉ	Bài tạp chí, báo cáo khoa học, ... trong danh mục theo quy định
	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Đánh giá Chuyên đề tiến sĩ thứ nhất	3 tín chỉ	Chuyên đề tiến sĩ thứ nhất
	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia 04 hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề từ cấp khoa trở lên)	1 tín chỉ	Bài thu hoạch, Xác nhận của Ban tổ chức
<b>Năm thứ ba</b>	Đánh giá Chuyên đề tiến sĩ thứ hai	3 tín chỉ	Chuyên đề tiến sĩ thứ hai
	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)	1 tín chỉ	Bài tạp chí, báo cáo khoa học, ... trong danh mục theo quy định
	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia 04 Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề từ cấp khoa trở lên)	1 tín chỉ	Bài thu hoạch, xác nhận của Ban tổ chức

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Số tín chỉ	Kết quả dự kiến
Năm thứ tư	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Hoàn thành Luận án tiến sĩ và bảo vệ các cấp	60 tín chỉ	Luận án

### 10. MA TRẬN THỂ HIỆN SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA

Stt	HỌC PHẦN	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG				NL TỰ CHỦ			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
1.	Phương pháp nghiên cứu luật học chuyên sâu			x	x	x	x	x	x	x	x	
2.	Học phần chuyên ngành 01: Những vấn đề pháp lý mới và hiện đại của pháp luật kinh tế	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
3.	Học phần chuyên ngành 02: Pháp luật thương mại và cạnh tranh trong kỷ nguyên mới	x	x	x			x	x	x	x	x	x
4.	Học phần chuyên ngành 03: Pháp luật đất đai, kinh doanh bất động sản và môi trường trong kỷ nguyên mới	x	x	x		x	x			x	x	x
5.	Học phần chuyên ngành 04: Pháp luật tài chính và lao động trong kỷ nguyên mới	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
6.	Tiểu luận tổng quan	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
7.	Chuyên đề tiến sĩ 01	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
8.	Chuyên đề tiến sĩ 02	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
9.	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được		x	x		x	x	x	x	x	x	x

Stt	HỌC PHẦN	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG				NL TỰ CHỦ			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
	HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)											
10.	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)		x	x		x	x	x	x	x	x	x
11.	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề và các sản phẩm khác)		x	x		x	x	x	x	x	x	x
12.	Luận án tiến sĩ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
<b>Các học phần bổ sung kiến thức áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ</b>												
13.	Triết học	x										x
14.	Quản trị, quản lý			x								x
15.	Xã hội học pháp luật				x							x
16.	Kinh tế học pháp luật	x										
17.	Kỹ năng đàm phán						x					x
18.	Luật thương mại và đầu tư nâng cao	x	x	x			x	x	x	x	x	x
19.	Luật tài chính, ngân hàng nâng cao	x	x	x			x	x	x	x	x	x
20.	Luật lao động và an sinh xã hội nâng cao	x	x	x			x	x		x	x	x
21.	Luật đất đai và kinh doanh bất động sản nâng cao	x	x	x			x	x		x	x	x
22.	Luật môi trường nâng cao	x	x	x			x	x		x	x	x

Stt	HỌC PHẦN	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG				NL TỰ CHỦ			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
23.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật thương mại	x	x	x			x	x	x	x	x	x
24.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật tài chính ngân hàng	x	x			x	x	x		x	x	x
25.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật lao động và an sinh xã hội	x	x	x			x	x		x	x	x
26.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản	x	x	x		x	x			x	x	x
27.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật môi trường	x	x	x		x	x		x	x	x	x
28.	Luật thương mại chuyên sâu	x	x	x			x	x	x	x	x	x
29.	Luật đầu tư chuyên sâu	x	x	x			x	x	x	x	x	x
30.	Luật tài chính chuyên sâu	x	x	x		x	x	x		x	x	x
31.	Luật ngân hàng chuyên sâu	x	x	x		x	x	x		x	x	x
32.	Luật lao động chuyên sâu		x	x			x	x		x	x	x
33.	Luật an sinh xã hội chuyên sâu		x	x			x	x		x	x	x
34.	Luật đất đai chuyên sâu	x	x	x		x	x			x	x	x
35.	Luật kinh doanh bất động sản chuyên sâu	x	x	x		x	x			x	x	x

Stt	HỌC PHẦN	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG				NL TỰ CHỦ			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
36.	Luật môi trường chuyên sâu	x	x	x		x	x		x	x	x	x

## 11. MA TRẬN CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

TT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT				SEMINAR						THỰC HÀNH/TỰ HỌC			
		Thuyết giảng	Tình huống	Nêu vấn đề	Thảo luận	Thuyết giảng	Diễn án-Đóng vai	Tranh biện	Thảo luận	LV nhóm	Tình huống	Kiến tập	Đề án	Tình huống	NC tài liệu
1.	Phương pháp nghiên cứu luật học chuyên sâu	x		x	x				x				x		x
2.	Học phần chuyên ngành 01: Những vấn đề pháp lý mới và hiện đại của pháp luật kinh tế	x	x	x	x	x			x		x			x	x
3.	Học phần chuyên ngành 02: Pháp luật thương mại và cạnh tranh trong kỷ nguyên mới	x	x	x	x	x			x		x			x	x
4.	Học phần chuyên ngành 03: Pháp luật đất đai, kinh doanh bất động sản và môi trường trong kỷ nguyên mới	x	x	x	x	x			x		x			x	x
5.	Học phần chuyên ngành 04: Pháp luật tài chính và lao động trong kỷ nguyên mới	x	x	x	x	x			x		x			x	x
6.	Tiểu luận tổng quan														x
7.	Chuyên đề tiến sĩ 01														x

TT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT				SEMINAR						THỰC HÀNH/TỰ HỌC			
		Thuyết giảng	Tình huống	Nêu vấn đề	Thảo luận	Thuyết giảng	Diễn án-Đóng vai	Tranh biện	Thảo luận	LV nhóm	Tình huống	Kiến tập	Đề án	Tình huống	NC tài liệu
8.	Chuyên đề tiến sĩ 02														x
9.	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HDGSNN tính điểm và đã được công bố)														x
10.	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HDGSNN tính điểm và đã được công bố)														x
11.	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề và các sản phẩm khác)								x						x
12.	Luận án tiến sĩ														x
<b>Các học phần bổ sung kiến thức áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ</b>															
13.	Triết học	x		x	x	x			x						x
14.	Quản trị, quản lý	x	x	x	x	x			x		x			x	x
15.	Xã hội học pháp luật	x		x	x	x			x						x

TT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT				SEMINAR						THỰC HÀNH/TỰ HỌC			
		Thuyết giảng	Tình huống	Nêu vấn đề	Thảo luận	Thuyết giảng	Diễn án-Đóng vai	Tranh biện	Thảo luận	LV nhóm	Tình huống	Kiến tập	Đề án	Tình huống	NC tài liệu
16.	Kinh tế học pháp luật	x	x	x	x	x			x		x			x	x
17.	Kỹ năng đàm phán	x	x	x	x	x	x	x	x		x			x	x
18.	Luật thương mại và đầu tư nâng cao	x	x	x	x	x		x	x	x	x			x	x
19.	Luật tài chính, ngân hàng nâng cao	x	x	x	x	x		x	x	x	x			x	x
20.	Luật lao động và an sinh xã hội nâng cao	x	x	x	x	x		x	x	x	x			x	x
21.	Luật đất đai và kinh doanh bất động sản nâng cao	x	x	x	x	x		x	x	x	x			x	x
22.	Luật môi trường nâng cao	x	x	x	x	x		x	x	x	x			x	x
23.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật thương mại	x	x	x	x	x		x	x	x	x			x	x
24.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật tài chính ngân hàng	x		x	x	x			x		x			x	x

TT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT				SEMINAR						THỰC HÀNH/TỰ HỌC			
		Thuyết giảng	Tình huống	Nêu vấn đề	Thảo luận	Thuyết giảng	Diễn án-Đóng vai	Tranh biện	Thảo luận	LV nhóm	Tình huống	Kiến tập	Đề án	Tình huống	NC tài liệu
25.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật lao động và an sinh xã hội	x		x	x	x			x		x			x	x
26.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản	x		x	x	x			x		x			x	x
27.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật môi trường	x		x	x	x			x		x			x	x
28.	Luật thương mại chuyên sâu	x		x	x	x			x		x			x	x
29.	Luật đầu tư chuyên sâu	x		x	x	x			x		x			x	x
30.	Luật tài chính chuyên sâu	x		x	x	x			x		x			x	x
31.	Luật ngân hàng chuyên sâu	x		x	x	x			x		x			x	x
32.	Luật lao động chuyên sâu	x		x	x	x			x		x			x	x
33.	Luật an sinh xã hội chuyên sâu	x		x	x	x			x		x			x	x
34.	Luật đất đai chuyên sâu	x		x	x	x			x		x			x	x

TT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT				SEMINAR						THỰC HÀNH/TỰ HỌC			
		Thuyết giảng	Tình huống	Nêu vấn đề	Thảo luận	Thuyết giảng	Diễn án-Đóng vai	Tranh biện	Thảo luận	LV nhóm	Tình huống	Kiến tập	Đề án	Tình huống	NC tài liệu
35.	Luật kinh doanh bất động sản chuyên sâu	x		x	x	x			x		x			x	x
36.	Luật môi trường chuyên sâu	x		x	x	x			x		x			x	x

## 12. MA TRẬN CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

TT	HỌC PHẦN	KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN			ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN				
		Kiểm tra giữa HP	Tiểu luận	Bài tập nhóm	Tự luận	Vấn đáp	Bài thu hoạch	Tiểu luận/ Luận án	Bài tập chí
1.	Phương pháp nghiên cứu luật học chuyên sâu	x						x	
2.	Học phần chuyên ngành 01: Những vấn đề pháp lý mới và hiện đại của pháp luật kinh tế	x						x	
3.	Học phần chuyên ngành 02: Pháp luật thương mại và cạnh tranh trong kỷ nguyên mới	x						x	
4.	Học phần chuyên ngành 03: Pháp luật đất đai, kinh doanh bất động sản và môi trường trong kỷ nguyên mới	x						x	
5.	Học phần chuyên ngành 04: Pháp luật tài chính và lao động trong kỷ nguyên mới	x						x	
6.	Tiểu luận tổng quan							x	
7.	Chuyên đề tiến sĩ 01							x	
8.	Chuyên đề tiến sĩ 02							x	
9.	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)								x
10.	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được								x

TT	HỌC PHẦN	KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN			ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN				
		Kiểm tra giữa HP	Tiểu luận	Bài tập nhóm	Tự luận	Vấn đáp	Bài thu hoạch	Tiểu luận/ Luận án	Bài tập chí
	HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)								
11.	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề và các sản phẩm khác)						x		
12.	Luận án tiến sĩ							x	
<b>Các học phần bắt buộc và tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành ở trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu</b>									
13.	Triết học		x	x	x				
14.	Quản trị, quản lý	x						x	
15.	Xã hội học pháp luật	x						x	
16.	Kinh tế học pháp luật	x						x	
17.	Kỹ năng đàm phán	x						x	
18.	Luật thương mại và đầu tư nâng cao	x			x				
19.	Luật tài chính, ngân hàng nâng cao	x			x				
20.	Luật lao động và an sinh xã hội nâng cao	x			x				
21.	Luật đất đai và kinh doanh bất động sản nâng cao	x			x				
22.	Luật môi trường nâng cao	x			x				

TT	HỌC PHẦN	KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN			ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN				
		Kiểm tra giữa HP	Tiểu luận	Bài tập nhóm	Tự luận	Vấn đáp	Bài thu hoạch	Tiểu luận/ Luận án	Bài tập chí
23.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật thương mại	x						x	
24.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật tài chính ngân hàng	x						x	
25.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật lao động và an sinh xã hội	x						x	
26.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản	x						x	
27.	Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật môi trường	x						x	
28.	Luật thương mại chuyên sâu	x						x	
29.	Luật đầu tư chuyên sâu	x						x	
30.	Luật tài chính chuyên sâu	x						x	
31.	Luật ngân hàng chuyên sâu	x						x	
32.	Luật lao động chuyên sâu	x						x	
33.	Luật an sinh xã hội chuyên sâu	x						x	
34.	Luật đất đai chuyên sâu	x						x	
35.	Luật kinh doanh bất động sản chuyên sâu	x						x	

TT	HỌC PHẦN	KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN			ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN				
		Kiểm tra giữa HP	Tiểu luận	Bài tập nhóm	Tự luận	Vấn đáp	Bài thu hoạch	Tiểu luận/ Luận án	Bài tập chí
36.	Luật môi trường chuyên sâu	x						x	

### 13. GIỚI THIỆU CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

- Phương pháp nghiên cứu luật học chuyên sâu:** Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận về khoa học và nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu luật học và các kỹ năng nghiên cứu và viết pháp lý nâng cao bao gồm kỹ năng lựa chọn đề tài nghiên cứu và tìm kiếm thông tin; kỹ năng nghiên cứu tài liệu tham khảo và xây dựng đề cương nghiên cứu, kế hoạch nghiên cứu; kỹ năng viết học thuật và bảo vệ kết quả nghiên cứu; kỹ năng khai thác cơ sở dữ liệu học thuật/pháp lý quốc tế, quản trị dữ liệu, ứng dụng AI, bảo đảm liêm chính học thuật trong môi trường số.
- Học phần chuyên ngành 01: **Những vấn đề pháp lý mới và hiện đại của pháp luật kinh tế:** Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh những kiến thức chuyên sâu, cập nhật và có tính hiện đại về các lĩnh vực pháp luật trọng tâm của ngành Luật kinh tế trong bối cảnh xuất hiện các vấn đề, hiện tượng và xu hướng mới của nền kinh tế - xã hội đương đại. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề pháp lý mới và hiện đại trong pháp luật thương mại và đầu tư; pháp luật tài chính - ngân hàng; pháp luật lao động và an sinh xã hội; pháp luật đất đai; pháp luật môi trường. Thông qua học phần, nghiên cứu sinh được phát triển năng lực nhận diện, phân tích, bình luận và đánh giá các vấn đề pháp lý mới phát sinh trong thực tiễn; từ đó hình thành khả năng tham gia nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện và thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực thuộc pháp luật kinh tế.
- Học phần chuyên ngành 02: **Pháp luật thương mại và cạnh tranh trong kỷ nguyên mới:** Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về các vấn đề pháp lý của lĩnh vực thương mại và cạnh tranh trong kỷ nguyên mới.

Trong lĩnh vực thương mại, học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức chuyên sâu, hiện đại và toàn diện về các lĩnh vực pháp luật doanh nghiệp, pháp luật hợp đồng trong thương mại và đầu tư, pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại. Học phần giúp người học hiểu rõ các học thuyết, nguyên tắc pháp lý và cơ chế vận hành của các thiết chế pháp lý thương mại trong kỷ nguyên mới.

Trong lĩnh vực cạnh tranh, học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về các vấn đề pháp lý của lĩnh vực cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong bối cảnh chuyển đổi số và kỷ nguyên mới. Chuyên đề về pháp luật cạnh tranh trang bị cho người học nền tảng lý luận và thực tiễn về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế và cạnh

tranh không lành mạnh, đặc biệt trong môi trường kinh tế số và thị trường nền tảng. Chuyên đề về pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cung cấp kiến thức về các tiêu chuẩn bảo vệ người tiêu dùng quốc tế và pháp luật Việt Nam trước những thách thức của thương mại điện tử và các mô hình kinh doanh mới.

Trong quá trình học tập và nghiên cứu, người học được khuyến khích khai thác hiệu quả các nguồn dữ liệu pháp lý trong nước và quốc tế, ứng dụng các công cụ số và trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có trách nhiệm và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghiên cứu. Kết thúc học phần, người học có khả năng nhận diện, nâng cao năng lực phân tích, phản biện và vận dụng tri thức chuyên sâu của pháp luật thương mại, cạnh tranh để giải quyết các vấn đề thực tiễn, đóng góp vào quá trình hoàn thiện thể chế trong kỷ nguyên mới.

**4. Học phần chuyên ngành 03: Pháp luật đất đai, kinh doanh bất động sản và môi trường trong kỷ nguyên mới:** Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về các vấn đề pháp lý của lĩnh vực đất đai, kinh doanh bất động sản và môi trường trong kỷ nguyên mới.

Trong lĩnh vực pháp luật đất đai, kinh doanh bất động sản, học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh cách tiếp cận chuyên sâu, về những vấn đề lý luận, chính sách và pháp luật liên quan đến quản trị đất đai, phát triển thị trường bất động sản gắn với chuyển đổi số và bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Học phần hướng tới việc nhận diện các xu hướng vận động của pháp luật quốc gia và quốc tế, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và hoàn thiện thể chế, chính sách trong kỷ nguyên mới.

Trong lĩnh vực môi trường, học phần trang bị cho nghiên cứu sinh những kiến thức chuyên sâu nhằm đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường trong kỷ nguyên mới như: ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển năng lượng tái tạo, chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn. Nội dung học phần được xây dựng theo hướng kết hợp giữa lý luận, thực tiễn gắn với các yêu cầu của kỷ nguyên mới, tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia để rút ra những bài học phù hợp cho việc xây dựng và thực thi pháp luật môi trường ở Việt Nam.

Thông qua học phần, nghiên cứu sinh có khả năng nhận diện và phân tích các vấn đề lý luận, thực tiễn của pháp luật đất đai, kinh doanh bất động sản và môi trường trong bối cảnh hội nhập; đánh giá tác động của các xu hướng và yêu cầu của kỷ nguyên mới và hội nhập quốc tế; phản biện và vận dụng kiến thức pháp lý để đề xuất các giải pháp, kiến nghị chính sách nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật đất đai, kinh doanh bất động sản và môi trường ở Việt Nam.

**5. Học phần chuyên ngành 04: Pháp luật tài chính và lao động trong kỷ nguyên mới:** Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về các vấn đề pháp lý của lĩnh vực tài chính và lao động trong kỷ nguyên mới.

Trong lĩnh vực tài chính, học phần tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của pháp luật tài chính hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, chuyển đổi số và phát triển kinh tế xanh, kinh tế số. Nội dung học phần làm rõ sự vận động và

đổi mới của hệ thống pháp luật tài chính quốc gia trong các lĩnh vực trọng yếu như ngân sách nhà nước, tài chính nhà nước ngoài ngân sách, nợ công, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm... Đồng thời, học phần phân tích tác động của các xu hướng mới như tài chính số, fintech, tài sản số, trí tuệ nhân tạo, ESG, tài chính bền vững và các chuẩn mực quốc tế đối với quá trình hoàn thiện pháp luật tài chính Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn phát triển của thị trường tài chính, người học có khả năng nhận diện những yêu cầu cải cách thể chế tài chính nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới.

Trong lĩnh vực lao động, học phần tập trung vào cơ sở lý luận của pháp luật lao động hiện đại, tiêu chuẩn lao động quốc tế và sự vận động của pháp luật lao động Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Trên cơ sở đó, học phần làm rõ những yêu cầu đặt ra đối với phạm vi, nguyên tắc và phương pháp điều chỉnh của pháp luật lao động hiện đại; đánh giá vai trò của tiêu chuẩn lao động quốc tế, các cam kết lao động quốc tế và mức độ tương thích của pháp luật Việt Nam trước những biến đổi của kinh tế thị trường, chuyển đổi số, dịch chuyển lao động, việc làm không tiêu chuẩn và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thông qua học phần, người học được nâng cao năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện, phân tích và bảo vệ các luận điểm khoa học; vận dụng kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề thực tiễn, xây dựng luận cứ khoa học và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật tài chính, lao động đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

6. **Tiểu luận tổng quan:** Học phần nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh phương pháp và kỹ năng tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án. Nội dung học phần tập trung vào việc hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan trực tiếp đến đề tài; phân tích, đánh giá các kết quả đạt được về lý luận và thực tiễn, các quan điểm khoa học, cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh xác định những khoảng trống nghiên cứu, những vấn đề còn tồn tại hoặc chưa được giải quyết triệt để, làm căn cứ để xác định rõ các vấn đề nghiên cứu của luận án. Học phần đồng thời yêu cầu nghiên cứu sinh xây dựng câu hỏi nghiên cứu, xác định hướng tiếp cận, đề xuất giả thuyết và dự kiến kết quả nghiên cứu của luận án, qua đó hình thành nền tảng học thuật và định hướng nghiên cứu cho toàn bộ quá trình thực hiện luận án tiến sĩ.
7. **Chuyên đề tiến sĩ 01:** Học phần nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh kiến thức chuyên sâu và cập nhật trong lĩnh vực nghiên cứu của luận án, thông qua việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên ngành ở trình độ cao. Nội dung học phần tập trung vào việc lựa chọn, phân tích và thảo luận các chuyên đề khoa học gắn trực tiếp với hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đồng thời rèn luyện năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện, kỹ năng trình bày và trao đổi học thuật. Kết thúc học phần, nghiên cứu sinh phải xây dựng và bảo vệ chuyên đề nghiên cứu 1, qua đó góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và định hướng nội dung cho luận án tiến sĩ.

8. **Chuyên đề tiến sĩ 02:** Tiếp nối học phần chuyên đề tiến sĩ 1, học phần nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh kiến thức chuyên sâu và cập nhật trong lĩnh vực nghiên cứu của luận án, thông qua việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên ngành ở trình độ cao. Kết thúc học phần, nghiên cứu sinh phải xây dựng và bảo vệ chuyên đề nghiên cứu 2, qua đó góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và định hướng nội dung cho luận án tiến sĩ.
9. **Sản phẩm khoa học 01:** Học phần yêu cầu nghiên cứu sinh xây dựng và công bố ít nhất một công trình khoa học thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm từ 0,75 trở lên. Nội dung học phần tập trung vào việc hoàn thiện bài viết khoa học gắn với hướng nghiên cứu của luận án, bảo đảm chất lượng học thuật, phương pháp nghiên cứu và chuẩn mực trích dẫn; đồng thời rèn luyện kỹ năng công bố quốc tế và trong nước. Kết quả học phần được xác nhận khi công trình khoa học đã được công bố hợp lệ theo quy định hiện hành.
10. **Sản phẩm khoa học 02:** Tiếp nối sản phẩm khoa học 01, học phần yêu cầu nghiên cứu sinh xây dựng và công bố ít nhất một công trình khoa học thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm từ 0,75 trở lên. Kết quả học phần được xác nhận khi công trình khoa học đã được công bố hợp lệ theo quy định hiện hành.
11. **Sản phẩm khoa học 03:** Học phần yêu cầu nghiên cứu sinh tham gia các hoạt động học thuật như hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề hoặc các hoạt động chuyên môn khác có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu; các kết quả này được quy đổi thành sản phẩm khoa học theo quy định. Nội dung học phần nhằm rèn luyện kỹ năng trình bày, trao đổi học thuật, mở rộng mạng lưới nghiên cứu và tiếp cận các vấn đề khoa học mới. Kết quả học phần được công nhận trên cơ sở minh chứng hợp lệ về việc tham gia và đóng góp học thuật của nghiên cứu sinh.
12. **Luận án tiến sĩ:** Học phần là nội dung cốt lõi của chương trình đào tạo tiến sĩ, trong đó nghiên cứu sinh thực hiện đề tài nghiên cứu độc lập dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học. Nội dung học phần bao gồm xây dựng đề cương, triển khai nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu, phân tích và hoàn thiện luận án theo chuẩn mực khoa học. Học phần nhằm phát triển năng lực nghiên cứu chuyên sâu, tư duy độc lập và khả năng đóng góp tri thức mới cho lĩnh vực nghiên cứu. Kết quả học phần được đánh giá thông qua việc hoàn thành và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ theo quy định.

**Các học phần bổ sung kiến thức áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ**

13. **Triết học:** Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan về triết học và lịch sử triết học; các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (Bản thể luận, Phép biện chứng, Nhận thức luận); các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội, Triết học chính trị, Ý thức xã hội, Triết học về con người) qua đó giúp người học vận dụng tri thức triết học

vào việc phân tích, đánh giá, làm sáng tỏ bản chất của các vấn đề, sự kiện, hiện tượng đang xảy ra trong nhận thức và hoạt động thực tiễn

14. **Quản trị, quản lý:** Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị, quản lý. Trong đó, học phần sẽ tập trung nghiên cứu tổng quan về quản trị, quản lý; các lý thuyết cơ bản về quản trị; quản trị, quản lý trong lĩnh vực công, tư (doanh nghiệp) và các hoạt động trong ngành Luật.
15. **Kinh tế học pháp luật:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về kinh tế học pháp luật với tư cách là một trường phái mới về lý luận pháp luật đương đại, trong đó nội dung cốt lõi là nghiên cứu sử dụng lý thuyết kinh tế học để xem xét, đánh giá tính hiệu quả của hệ thống pháp luật nói chung, thông qua việc xem xét mối quan hệ giữa kinh tế học với một số chế định pháp luật cơ bản như chế định pháp luật về quyền sở hữu; chế định pháp luật về hợp đồng; chế định pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; chế định pháp luật về tội phạm và hình phạt...
16. **Xã hội học pháp luật:** Xã hội học pháp luật là lĩnh vực khoa học liên ngành giữa Xã hội học và Luật học, nghiên cứu các quá trình phát sinh, tồn tại của pháp luật trong xã hội, trong mối liên hệ giữa pháp luật với các chuẩn mực xã hội, các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật. Học phần Xã hội học pháp luật trang bị cho người học cách tiếp cận xã hội học đối với các sự kiện pháp luật xảy ra trong đời sống xã hội thông qua việc áp dụng phương pháp điều tra xã hội học làm sáng tỏ nguồn gốc, nguyên nhân, bản chất của chúng.
17. **Kỹ năng đàm phán:** Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết về đàm phán nói chung bao gồm những kiến thức tổng quan về đàm phán và các kỹ năng chuẩn bị đàm phán, các kỹ năng tiến hành đàm phán để giúp người học có hiểu biết về đàm phán, biết vận dụng những kỹ năng trong đàm phán để có thể nâng cao hiệu quả đàm phán trong mọi tình huống cuộc sống và công việc nghề luật.
18. **Luật thương mại và đầu tư nâng cao:** Học phần cung cấp những nền tảng học thuyết về quản trị trong nền kinh tế thị trường; quyền tự do kinh doanh, mô hình các doanh nghiệp, công ty; kiến thức pháp luật về đầu tư; kinh doanh; điều kiện kinh doanh; quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp, nhà đầu tư; vấn đề bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh, thương mại...
19. **Luật tài chính, ngân hàng nâng cao:** Học phần cung cấp những cơ sở lý luận, kiến thức về vấn đề quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; thanh tra tài chính; cơ cấu tổ chức, bộ máy; chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước; hệ thống ngân hàng thương mại; các quỹ tín dụng hoạt động tại Việt Nam; những vấn đề đặc thù của việc quản lý thu chi, tài chính của hoạt động của hệ thống ngân hàng ...
20. **Luật lao động và an sinh xã hội nâng cao:** Học phần cung cấp những nền tảng lý luận, kiến thức về quan hệ lao động; quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng lao động;

chế độ kỷ luật của người lao động; thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; chế độ thai sản của lao động nữ; chế độ hưu trí; bảo hiểm xã hội với người lao động; vai trò của tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp, công ty; vấn đề giải quyết việc làm, trợ cấp thất nghiệp; quản lý nhà nước về lao động...

21. **Luật đất đai và kinh doanh bất động sản nâng cao:** Học phần cung cấp nền tảng kiến thức lý luận, thực tiễn về vấn đề sở hữu đất đai; vấn đề quản lý và sử dụng đất; hoạt động kinh doanh bất động sản; quản lý nhà nước về thị trường bất động sản; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh bất động sản; xử lý vi phạm pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản; giải quyết tranh chấp đất đai và tranh chấp trong hoạt động kinh doanh bất động sản ...
22. **Luật môi trường nâng cao:** Học phần cung cấp cơ sở lý luận về bảo vệ môi trường; lý thuyết về phát triển bền vững; ứng phó với biến đổi khí hậu; kiến thức pháp luật về đánh giá tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược; xử lý chất thải; mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; hợp tác quốc tế về môi trường; quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường; các công cụ kinh tế về bảo vệ môi trường như thuế, phí về môi trường ...
23. **Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật thương mại:** Học phần cung cấp những vấn đề lý luận; một số học thuyết hiện đại về thương mại và pháp luật về thương mại; kiến thức pháp luật nền tảng của pháp luật thương mại như chế định về doanh nghiệp, chế định về kinh doanh thương mại, cơ chế giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại; trọng tài kinh tế...
24. **Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật tài chính ngân hàng:** Học phần cung cấp một số học thuyết hiện đại về tài chính, ngân hàng; vấn đề ngân hàng số, chuyển đổi số trong hoạt động tài chính ngân hàng; thực trạng pháp luật về tài chính ngân hàng và một số vấn đề đặt ra trong bối cảnh hội nhập quốc tế...
25. **Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật lao động và an sinh xã hội:** Học phần cung cấp một số học thuyết hiện đại về quan hệ lao động và bảo đảm an sinh xã hội; thực trạng về hợp đồng lao động; vấn đề việc làm và giải quyết thất nghiệp; đình công; vai trò của tổ chức công đoàn trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động nói chung và tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho người lao động nói riêng.
26. **Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản:** Học phần trang bị cho người học một số lý thuyết hiện đại về sở hữu đất đai; kinh doanh bất động sản; mô hình quản trị tốt trong lĩnh vực đất đai và kinh doanh bất động sản; tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản; công khai minh bạch về đất đai và kinh doanh bất động sản; những vấn đề đặt ra đối với pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản trong bối cảnh toàn cầu hóa và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN...

27. **Những vấn đề pháp lý nền tảng của pháp luật môi trường:** Học phần trang bị, hệ thống hóa cho người học hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn của pháp luật môi trường; thực trạng pháp luật về môi trường trong nền kinh tế thị trường và bối cảnh toàn cầu hóa; các biện pháp kinh tế trong bảo vệ môi trường; vai trò của nhà nước và vấn đề xã hội hóa trong bảo vệ môi trường; những đặc trưng của pháp luật môi trường; vai trò của pháp luật môi trường ở nước ta ...
28. **Luật thương mại chuyên sâu:** Học phần trang bị những kiến thức pháp luật thương mại chuyên sâu cho người học bao gồm chế định công ty, chế định doanh nghiệp chuyên sâu; vấn đề thực thi chế định hợp đồng; các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại; chế định về cạnh tranh lành mạnh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong nền kinh tế thị trường ở nước ta; những vấn đề đặt ra trong việc hoàn thiện pháp luật thương mại; định hướng, giải pháp hoàn thiện ...
29. **Luật đầu tư chuyên sâu:** Học phần trang bị những kiến thức pháp luật đầu tư chuyên sâu cho người học bao gồm quản lý nhà nước về đầu tư; các loại hình đầu tư; vấn đề ưu đãi và khuyến khích đầu tư; chế định quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư; giải quyết tranh chấp về đầu tư; vấn đề đầu tư ra nước ngoài; những vấn đề đặt ra trong việc hoàn thiện pháp luật đầu tư; định hướng, giải pháp hoàn thiện ...
30. **Luật tài chính chuyên sâu:** Học phần trang bị những kiến thức pháp luật tài chính chuyên sâu cho người học bao gồm các nguồn thu; chi từ ngân sách nhà nước; thanh tra về tài chính; kiểm toán về tài chính; các khoản thuế; xử lý vi phạm pháp luật về tài chính; những vấn đề đặt ra trong việc hoàn thiện pháp luật tài chính; định hướng, giải pháp hoàn thiện ...
31. **Luật ngân hàng chuyên sâu:** Học phần trang bị những kiến thức pháp luật ngân hàng chuyên sâu cho người học bao gồm địa vị pháp lý của ngân hàng nhà nước; địa vị pháp lý về các ngân hàng thương mại; cơ chế điều chỉnh của pháp luật về điều chỉnh hoạt động của ngân hàng; vấn đề pháp lý về phòng, chống rửa tiền; phát hành trái phiếu; những vấn đề đặt ra trong việc hoàn thiện pháp luật ngân hàng; định hướng, giải pháp hoàn thiện ...
32. **Luật lao động chuyên sâu:** Học phần trang bị những kiến thức pháp luật lao động chuyên sâu cho người học bao gồm chế định an toàn lao động; vệ sinh lao động; thị trường việc làm; thanh tra lao động; những vấn đề đặt ra trong việc hoàn thiện pháp luật lao động; định hướng, giải pháp hoàn thiện...
33. **Luật an sinh xã hội chuyên sâu:** Học phần trang bị những kiến thức pháp luật an sinh xã hội chuyên sâu cho người học bao gồm chế định về trợ cấp thất nghiệp; chế định về bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của lao động nữ; chế định phòng, chống sử dụng lao động trẻ em; vấn đề bình đẳng giới trong lao động, việc làm; những vấn đề đặt ra trong việc hoàn thiện pháp luật an sinh xã hội; định hướng, giải pháp hoàn thiện...

- 34. Luật đất đai chuyên sâu:** Học phần trang bị những kiến thức pháp luật đất đai chuyên sâu cho người học bao gồm: Hoàn thiện sở hữu toàn dân về đất đai; chế định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; vấn đề giá đất và nghĩa vụ tài chính về đất đai; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về đất đai; vấn đề đất đa mục đích, đất lấn biển; những vấn đề đặt ra trong việc hoàn thiện pháp luật đất đai; định hướng, giải pháp hoàn thiện...
- 35. Luật kinh doanh bất động sản chuyên sâu:** Học phần trang bị những kiến thức pháp luật kinh doanh bất động sản chuyên sâu cho người học bao gồm chế định các sản phẩm bất động sản mới như condotel; shophouse; bất động sản du lịch, bất động sản du lịch nông nghiệp ...; kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai; vấn đề chuyên nhượng dự án đầu tư kinh doanh bất động sản; những vấn đề đặt ra trong việc hoàn thiện pháp luật kinh doanh bất động sản; định hướng, giải pháp hoàn thiện ...
- 36. Luật môi trường chuyên sâu:** Học phần trang bị những kiến thức pháp luật môi trường chuyên sâu cho người học bao gồm kiểm toán về môi trường; thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong khu dân cư; trong các khu công nghiệp; vai trò của việc chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về môi trường; chế định bảo vệ các thành phần của môi trường; những vấn đề đặt ra trong việc hoàn thiện pháp luật môi trường; định hướng, giải pháp hoàn thiện ...

#### 14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo được triển khai trong 6 kỳ (3 năm) đối với nghiên cứu sinh có trình độ thạc sĩ hoặc 8 kỳ (4 năm) đối với nghiên cứu sinh có trình độ cử nhân.

- Mỗi tín chỉ trong chương trình đào tạo được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm hoạt động dạy học trên lớp (giảng lý thuyết và thảo luận), giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá. Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện 12 giờ lý thuyết và 6 giờ thảo luận (tỷ lệ giờ lý thuyết 80% và thảo luận 20%, riêng học phần Triết học tỷ lệ giờ lý thuyết 70% và thảo luận 30% theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo). Một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

- Đối với các học phần bắt buộc và tự chọn ở trình độ Tiến sĩ, việc giảng dạy được tổ chức tập trung trong năm đầu tiên. Với mỗi khoá nghiên cứu sinh, Trường tổ chức giảng dạy các học phần tự chọn dựa trên sự lựa chọn của các nghiên cứu sinh.

- Đối với các học phần bổ sung kiến thức, thời gian giảng dạy mỗi học phần trong chương trình đào tạo tương ứng với số tín chỉ của học phần, cụ thể: học phần 02 tín chỉ giảng dạy trong 2 tuần; học phần 03 tín chỉ giảng dạy trong 3 tuần; học phần 04 tín chỉ giảng dạy trong 4 tuần (riêng học phần Triết học giảng dạy trong 4,5 tuần). Nghiên cứu sinh học bổ sung kiến thức tham gia học tập cùng với các lớp thạc sĩ định hướng nghiên cứu cùng ngành đào tạo

- Các học phần được tổ chức giảng dạy theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng hình thức trực tuyến.

- Đối với các học phần là các tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ, luận án tiến sĩ, sản phẩm khoa học, người học thực hiện dưới hình thức tự nghiên cứu. / *goc*



## Phụ lục I

### ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THAM GIA ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Đơn vị công tác	Năm công nhận học vị	Lĩnh vực chuyên môn chuyên sâu
1.	Lê Hồng Hạnh	GS.TS	Khoa Pháp luật kinh tế	1986	Luật thương mại
2.	Nguyễn Hữu Chí	PGS.TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2003	Luật lao động
3.	Nguyễn Quang Tuyền	PGS.TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2003	Luật đất đai
4.	Phạm Thị Giang Thu	PGS.TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2003	Luật tài chính
5.	Nguyễn Thị Vân Anh	PGS.TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2007	Luật thương mại
6.	Vũ Thị Lan Anh	PGS.TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2008	Luật thương mại
7.	Nguyễn Hiền Phương	PGS.TS	Viện Luật so sánh	2009	Luật lao động
8.	Nguyễn Thị Nga	PGS.TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2009	Luật đất đai
9.	Vũ Thị Duyên Thủy	PGS.TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2009	Luật môi trường
10.	Nguyễn Văn Tuyền	TS	Phòng Thanh tra	2004	Luật tài chính
11.	Đỗ Ngân Bình	TS	Trung tâm Thực hành PL	2006	Luật lao động
12.	Nguyễn Thị Dung	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2007	Luật thương mại
13.	Nguyễn Thị Yến	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2011	Luật thương mại
14.	Nguyễn Minh Hằng	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2011	Luật tài chính
15.	Vũ Văn Cương	TS	Trung tâm Thực hành PL	2013	Luật tài chính
16.	Trần Thị Bảo Ánh	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2014	Luật thương mại
17.	Phạm Thu Thủy	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2014	Luật đất đai

18.	Trần Vũ Hải	TS	Phòng Khoa học và Công nghệ	2014	Luật tài chính
19.	Hồ Thị Duyên	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2018	Luật thương mại
20.	Nguyễn Thị Thanh Tú	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2019	Luật tài chính
21.	Lê Văn Đức	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2020	Luật lao động
22.	Nguyễn Như Chính	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2021	Luật thương mại
23.	Phạm Phương Thảo	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2021	Luật cạnh tranh
24.	Nguyễn Thị Hương	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2022	Luật tài chính
25.	Nguyễn Ngọc Anh	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2022	Luật thương mại
26.	Nguyễn Ngọc Quyên	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2022	Luật cạnh tranh
27.	Trần Quỳnh Anh	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2022	Luật thương mại
28.	Đỗ Xuân Trọng	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2022	Luật đất đai
29.	Đoàn Xuân Trường	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2022	Luật lao động
30.	Nguyễn Ngọc Yến	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2023	Luật tài chính
31.	Đặng Kim Phương	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2023	Luật tài chính
32.	Nguyễn Thị Phương Thảo	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2023	Luật tài chính
33.	Phạm Quý Đạt	TS	Viện Luật so sánh	2023	Luật thương mại
34.	Hà Thị Hoa Phượng	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2024	Luật lao động
35.	Nguyễn Hải Yến	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2024	Luật tài chính
36.	Lê Thị Ngọc Mai	TS	Khoa Pháp luật kinh tế	2024	Luật đất đai



## Phụ lục II

### CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Trường Đại học Luật Hà Nội hiện đang được giao quản lý, sử dụng các cơ sở nhà đất: Trụ sở của Trường tại địa chỉ số 87 Nguyễn Chí Thanh, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội (Trụ sở Trường); Trụ sở Phân hiệu của Trường tại Đắc Lắc, địa chỉ tại Tổ dân phố 9, phường Tân An và số 02 Y Bih Aleo, Buôn Ma Thuột (Trụ sở Phân hiệu tại Đắc Lắc).

Trụ sở Trường nằm trên khuôn viên có diện tích đất 14.009 m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn xây dựng là 36.475 m<sup>2</sup>, gồm 12 tòa nhà lớn nhỏ (05 tòa nhà là nơi hiệu bộ hành chính, thư viện và hội trường, giảng đường học; 04 tòa nhỏ là phòng làm việc; 01 tòa ký túc xá, 01 tòa căng tin) và các công trình phụ trợ hiện đang sử dụng làm trụ sở làm việc và giảng dạy của Trường.

Trụ sở Phân hiệu tại Đắc Lắc tại Phường Tân An có tổng diện tích đất là 98.240 m<sup>2</sup>, tổng số 24.633 m<sup>2</sup> sàn xây dựng, bao gồm 06 tòa nhà chính (01 tòa hành chính, 02 tòa giảng đường, 02 tòa ký túc xá, 01 tòa nhà công vụ, 01 nhà thi đấu thể thao) và các công trình phụ trợ; cơ sở nhà đất tại số 02 Y Bih Aleo có diện tích 540,5m<sup>2</sup>, gồm 02 tòa nhà thấp tầng. Các cơ sở nhà đất hiện đang sử dụng làm trụ sở làm việc và giảng dạy của Trường tại Phân hiệu Đắc Lắc.

Ngoài ra, Trường được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo tại địa chỉ Phường Đồng Nguyên, tỉnh Bắc Ninh trên khuôn viên đất có diện tích 278.800 m<sup>2</sup>, khoảng 93.125 m<sup>2</sup> sàn xây dựng gồm các tòa nhà (01 tòa nhà hành chính – thư viện, 02 tòa giảng đường, 02 tòa ký túc xá, 01 nhà thi đấu thể dục thể thao) cùng với các công trình phụ trợ khác có thể đáp ứng quy mô đào tạo là 10.800 sinh viên.

Hiện nay, tại trụ sở Hà Nội và trụ sở Phân hiệu tại Đắc Lắc Trường có tổng số 93 hội trường/phòng học từ 25 chỗ ngồi đến 450 chỗ ngồi; 7 Phòng thực hành pháp luật, diễn án; 02 nhà tập đa năng với diện tích sàn xây dựng là 1.310 m<sup>2</sup>, 5 phòng học đa phương tiện, 2 thư viện và nhiều phòng chức năng khác với các trang thiết bị được đầu tư đầy đủ, tương đối hiện đại (âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, bàn ghế, bảng viết...) đáp ứng yêu cầu học tập, giảng dạy của Trường. *fel*



### Phụ lục III

## HỌC LIỆU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Thư viện của Trường đáp ứng được gần 500 chỗ ngồi đọc và khoảng 22 máy tính phục vụ tra cứu. Số lượng tài liệu hiện tại có 27.100 tên bằng 185.762 cuốn tài liệu in trên tổng số 84.091 biểu ghi thư mục, trong đó có gần 200 đầu tạp chí Tiếng Việt và tiếng nước ngoài; 19.543 tên tài liệu số, thuê quyền truy cập cơ sở dữ liệu HeinOnline, Luật Việt Nam, Thư viện pháp luật, ProQuest Central, Cơ sở dữ liệu sách điện tử của Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật với 823 tên, 300 tên sách điện tử và nguồn tài liệu của Dự án MUTRAP 700 tên.

Bảng thống kê tài liệu thư viện (cập nhật đến 02/4/2026)

Bộ sưu tập	Tổng số thư mục	Thư mục (bản cứng)	Bản cứng	Thư mục (bản mềm)	Bản mềm	Thư mục (bản cứng hoặc mềm)
Giáo trình	1007	905	36067	189	189	36256
Khóa luận TN	5676	4102	5904	2733	2754	8658
Sách tham khảo	15496	14560	126523	225	226	126749
Luận văn, Luận án	6114	6100	12085	5976	5992	18077
Đề tài khoa học	803	664	765	703	704	1469
TL Hội nghị, hội thảo	658	622	792	559	560	1352
Bài viết tạp chí	52990	0		8109	8177	8177
Đa phương tiện	7	6	6	0		6
Tạp chí	213	140	3615	6	761	4376
TL truy cập mở	1127	1	5	1073	1075	1080
<b>Tổng</b>	<b>84091</b>	<b>27100</b>	<b>185762</b>	<b>19573</b>	<b>20438</b>	<b>206200</b>

gcu